TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST
Ngày 22/11/2019
"V/v *tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị M và anh L*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Bà Nguyễn Thị Huề;

2.Ông Nguyền Văn Diệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 195/2019/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 37/2019/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1975

Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn X, xã QH, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Nơi ở: Khu A, chợ N, thị trấn QC, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- ***Bị đơn***: Anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Thành L), sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn X, xã QH, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(*Tại phiên tòa có mặt chị M, vắng mặt anh L)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 14/6/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành L (Nguyễn Văn L) tự do, tự nguyện tìm hiểu dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QH, huyện Q vào ngày 14/01/1995. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh L. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận đến cuối năm 2006 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L chơi bời, cờ bạc không tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình vợ con lại hay ghen. Mâu thuẫn ngày càng căng thẳng vào tháng 7/2017 vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ tháng 8/2018 chị đã thuê ki ốt ở khu A, chợ N, thị trấn QC để ở và làm may tại đó nhưng chị không đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn Quỳnh Côi mà vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã QH và thường xuyên đi về đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, chị xin ly hôn anh L.

Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thành H sinh ngày 26/6/1995 và Nguyễn Thị T sinh ngày 06/9/2004, ly hôn con H đã trưởng thành không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng, chị nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con T, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Thành L) trình bày.

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về thời gian, địa điểm, hoàn cảnh kết hôn, thời gian chung sống và thời gian vợ chồng ly thân như chị M trình bày là đúng. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, không thương yêu, thông cảm cho nhau. Đến đầu năm 2017 mâu thuẫn căng thẳng vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị M có đơn ly hôn, anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị M, anh muốn chị M suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ, anh không muốn ly hôn chị Mây.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị M đã trình bày, ly hôn con H đã trưởng thành không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng, anh nhận trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị T và không yêu cầu chị Mây cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh với cơ sở thôn X, xã QH, huyện Q thấy: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Thành L) là vợ chồng, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể của vợ chồng thì cơ sở thôn không biết rõ. Khoảng năm 2017 thì

vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vợ chồng có đánh cãi nhau, chị M và các con đã lên thị trấn QC sinh sống, không thấy quay về địa phương, còn anh L đi làm ăn tự do nhưng vẫn thường xuyên về địa phương. Nay chị M có đơn ly hôn anh L cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung chị Mây và anh L có 02 con chung là Nguyễn Thành H sinh ngày 26/6/1995 và Nguyễn Thị T sinh ngày 06/9/2004, nếu Tòa án giải quyết cho chị M và anh L ly hôn về con chung và cấp dưỡng cho con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung gia đình và cơ sở thôn không rõ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đều tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không có ý kiến về chấp hành pháp luật của bị đơn.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51,56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Thành L). Giao con chung Nguyễn Thị T sinh ngày 06/9/2004 cho chị Mây trực tiếp nuôi dưỡng, chị Mây không yêu cầu anh L cấp dưỡng cho con. Anh L có quyền, nghĩa vụ đi lại trông nom và giáo dục con chung; về tài sản chung không đặt ra giải quyết; về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Thành L). Do anh L là bị đơn, cư trú tại Thôn X, xã QH, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên TAND huyện Quỳnh Phụ, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Thành L) được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã QH, huyện Q, tỉnh Thái Bình cấp giấy đăng ký kết hôn ngày 14/01/1995 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh L. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không thương yêu thông cảm cho nhau, anh L lại hay ghen tuông, dẫn tới việc vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn căng thẳng vào năm 2017 vợ chồng ly thân, từ tháng 8/2018 chị Mây đã thuê ki ốt tại khu A chợ mới thị trấn Qc để làm ăn, chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị

và anh L không còn, chị xin ly hôn anh L, còn anh L xác định anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị M nên anh không muốn ly hôn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh L có mặt nhưng không ký vào biên bản điều đó chứng tỏ anh L không có thiện chí giải quyết vụ án, anh L không muốn ly hôn nhưng anh không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mặt khác quá trình giải quyết vụ án anh chị vẫn ly thân. Như vậy, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ tồn tại về mặt hình thức, anh chị không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân của anh, chị không đạt được, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị M, xử cho chị M và anh L được thuận tình ly hôn phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Thành L) có 02 con chung là Nguyễn Thành H sinh ngày 26/6/1995 và Nguyễn Thị T sinh ngày 06/9/2004. Ly hôn, con H đã trưởng thành không đặt ra trách nhiệm nuôi dưỡng. Chị M và anh L đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thị T và đều không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Xét nguyện vọng nuôi con của anh chị là chính đáng, song hiện tại con chung đang ở với chị M, cháu có nguyện vọng được ở với chị M, chị M nuôi con rất chu đáo hơn nữa cháu Nguyễn Thị T giới tính nữ, đang ở độ tuổi cần sự quan tâm chăm sóc đặc biệt từ người mẹ nên để đảm bảo cho việc sinh hoạt, học tập của con chung cần giao con chung Nguyễn Thị T sinh ngày 06/9/2004 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Thành L) có quyền, nghĩa vụ trông nom, giáo dục con chung là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Thành L) đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Thành L)có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51,56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Toà án:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Thành L)

2.Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Nguyễn Thị T sinh ngày 06/9/2004 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chị M không yêu cầu anh Nguyễn Văn Văn L (Nguyễn Thành L) cấp dưỡng cho con. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003972 ngày 25 tháng 7 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Văn L (Nguyễn Thành L) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Quỳnh Phụ;
- UBND xã QH, h.Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(đã ký)